

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 27-3-2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Văn Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa  
án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên  
tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở  
phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT-HNGĐ  
ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp  
dưỡng nuôi con”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2022/HNGĐ-ST ngày 30-  
12-2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐ-PT ngày 15  
tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 137 ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Lan B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 290 ấp Kênh Nhà Thờ, xã K, huyện L, tỉnh Long An.

**Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Lan B.

(Bà B và ông A có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022, ngày 28/11/2022, trong quá trình  
giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh A trình bày: Ông và  
bà Lê Thị Lan B tự tìm hiểu, quen biết và quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ  
chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X,

huyện Y, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/7/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Nguyễn Phương C, sinh ngày 23/02/2015. Từ năm 2018 trở đi, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà B. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 02 triệu đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông A xác định không còn tình cảm gì đối với bà B. Sau khi mâu thuẫn phát sinh, chính bà B là người đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, nhưng sau đó bà B lại rút đơn khởi kiện. Về thu nhập, hiện tại ông đang làm nghề bác sỹ công tác tại Bệnh viện đa khoa Long An, thu nhập từ 10 triệu đến 15 triệu đồng/tháng. Ông đồng ý theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà B là 3,5 triệu đồng/tháng.

*Tại bản tự khai ngày 11/10/2022 và ngày 28/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Lê Thị Lan B trình bày:* Bà thống nhất với ý kiến của ông A về thời gian quen biết, tìm hiểu, cưới nhau, kết hôn và con chung. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ đến tháng 01/2021 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc ông A yêu cầu bà ký vay tiền ngân hàng, nhưng bà không đồng ý. Ngoài ra, bà còn nghe được ông A có quan hệ với người phụ nữ khác, tham gia chơi số đề gây nợ nần. Sau đó, ông A có yêu cầu bà ly hôn, nên bà nộp đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Tân An để xin ly hôn với ông A, nhưng sau đó bà đã rút lại đơn kiện. Nay ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý vì vẫn còn thương ông A. Trong trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3,5 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B nêu ý kiến trong trường hợp ông A xác định không còn tình cảm gì với bà và cương quyết ly hôn, thì bà đồng ý ly hôn với ông A và đồng ý trực tiếp nuôi con chung, nhưng do sau khi ly hôn bà phải một mình nuôi con, nên ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3,5 triệu đồng/tháng. Đối với đơn kiện ngày 28/11/2022 mà bà nộp cho Tòa án về việc yêu cầu ông A phải trả cho bà các khoản tiền, vàng đã mượn, thì bà xác định không tiếp tục khởi kiện nên không nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo của Tòa án.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2022/HNGĐ-ST ngày 30-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ Điều 5, 28, 35, 39, 147, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh A được ly hôn với bà Lê Thị Lan B.

2. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Lan B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Phương C, sinh ngày 23/02/2015. Ông Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3,5 triệu đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Ông A có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông A theo quy định của pháp luật. Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông A.

5. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà B, ông A, người thân thích của cháu Quỳnh, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0004371 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L sang thi hành án phí, nên ông A phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12/01/2023, bà Lê Thị Lan B kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ với ông Nguyễn Thanh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Lê Thị Lan B tranh luận: Bà còn tình cảm với ông A, muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mọi việc vay mượn, mua sắm tài sản trong thời gian qua bà đều làm theo ý kiến của ông A nên việc ông A nói bà còn liên quan đến công việc làm ăn không chịu ly hôn là không đúng.

- Ông Nguyễn Thanh A tranh luận: Ông không còn tình cảm với bà B. Việc bà B không đồng ý ly hôn là do bà B còn liên quan đến công việc làm ăn bên

ngoài chứ thực tế không còn tình cảm với nhau. Ông kiên quyết ly hôn với bà B, không đồng ý đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Thanh A và bà Lê Thị Lan B tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/7/2013. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, về sau thì ông A cho rằng không còn tình cảm gì với bà B. Bà B xác định vẫn còn tình cảm với ông A, mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với ông A. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà B đồng ý ly hôn với ông A. Đồng thời trước đây bà B đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Tân An để ly hôn với ông A. Tại phiên tòa phúc thẩm bà B yêu cầu được đoàn tụ với ông A nhưng ông A vẫn kiên quyết ly hôn. Do đó, kháng cáo của bà B là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Lan B. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Bà Lê Thị Lan B kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị Lan B có nơi cư trú tại xã K, huyện L, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013, quyển số 01/2013 ngày 02/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì ông Nguyễn Thanh A và bà Lê Thị Lan B là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông A có đơn yêu cầu ly hôn với bà B và tại phiên tòa sơ thẩm bà B cũng đồng ý ly hôn. Nay bà B kháng cáo yêu cầu đoàn tụ với ông A nhưng ông A không đồng ý; đồng thời bà B cũng không đưa ra được biện pháp hàn gắn gia đình nhằm thuyết phục ông A rút đơn ly hôn để đoàn tụ với bà B. Hơn nữa, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nên bà B không thể ép buộc ông A quay lại chung sống đời sống với chồng với bà B. Do đó, kháng cáo của bà B là không có cơ sở chấp nhận.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của bà Lê Thị Lan B là không có cơ sở chấp nhận; lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Lan B phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Lan B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2022/HNGĐ-ST ngày 30-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ Điều 5, 28, 35, 39, 147, 148, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh A được ly hôn với bà Lê Thị Lan B.

[2] Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Lan B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Phương C, sinh ngày 23/02/2015. Ông Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3,5 triệu đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Ông A có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông A theo quy định của pháp luật. Bà B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông A.

[4] Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà B, ông A, người thân thích của cháu Quỳnh, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản

lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0004371 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L sang thi hành án phí, nên ông A phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị Lan B phải chịu 300.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004357 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[7] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Cảnh**